

Số: /GP-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

Căn cứ các quyết định của UBND tỉnh: số 4835/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư xây dựng Nhà khám, chữa bệnh trung tâm Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung tại xã Yên Sơn và thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung (Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung từ 140 giường bệnh lên 350 giường bệnh); số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét Công văn số 527/TTr-BVHT ngày 11/7/2024; số 242/BVHT-HCQT ngày 11/3/2025 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung về việc chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung tại Tiểu khu 5, thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 129/TTr-SNNMT ngày 01/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép môi trường cho Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung (*địa chỉ tại Tiểu khu 5, thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa*) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung tại Tiểu khu 5, thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tiểu khu 5, thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung.

1.3. Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 1142/TH-GPHĐ ngày 27/12/2021 do Giám đốc Sở Y tế Thanh Hóa cấp.

1.4. Mã số thuế: 2800750453.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh: Hoạt động khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích sử dụng đất của cơ sở: 32.963 m².

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Công suất hoạt động: 350 giường bệnh.

- Quy trình công nghệ hoạt động: Bệnh nhân đến khám, chữa bệnh → Hướng dẫn làm thủ tục → Khoa khám bệnh → Bệnh nhân nhập viện (điều trị tại các khoa phòng); bệnh nhân không nhập viện → Làm thủ tục thanh toán xuất viện.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung có trách nhiệm:

2.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường sau khi được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày 15 tháng 4 năm 2025 đến ngày 15 tháng 4 năm 2035).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND huyện Hà Trung tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c)
- Sở NN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Hà Trung (để theo dõi);
- UBND thị trấn Hà Trung (để theo dõi);
- Bệnh viện đa khoa Hà Trung (để thực hiện);
- Lưu: VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ khu nhà A (ký hiệu số 05): Nước từ chậu rửa chân tay, nước thoát sàn nhà vệ sinh từ các tầng,.. → Ống nhựa PVC, D (90-110) → Hồ ga; nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Ống nhựa PVC, D (90-110) → Bể tự hoại 3 ngăn → Hồ ga (cùng nước thải từ chậu rửa tay, nước thoát sàn nhà vệ sinh).

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ nhà B (ký hiệu số 03): Nước thải từ chậu rửa chân tay, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn nhà vệ sinh từ các tầng,... → Ống nhựa PVC, D (90-110) → Hồ ga; nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Ống nhựa PVC, D 90-110 → Bể tự hoại 3 ngăn → Hồ ga (cùng nước thải từ chậu rửa tay chân, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn nhà vệ sinh).

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ nhà C (ký hiệu số 01): Nước thải từ chậu rửa chân tay, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn nhà vệ sinh từ các tầng,... → Ống nhựa PVC, D(90-110) → Hồ ga; nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Ống nhựa PVC, D 90-110 → Bể tự hoại 3 ngăn → Hồ ga (cùng nước thải từ chậu rửa tay chân, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn nhà vệ sinh).

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ nhà D (ký hiệu số 04): Nước thải từ chậu rửa chân tay, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn nhà vệ sinh từ các tầng,... → Ống nhựa PVC, D (90-110) → Hồ ga; nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Ống nhựa PVC, D 90-110 → Bể tự hoại 3 ngăn → Hồ ga (cùng nước thải từ chậu rửa tay chân, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn nhà vệ sinh).

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ nhà E (ký hiệu số 07): Nước thải từ chậu rửa chân tay, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn nhà vệ sinh từ các tầng,... → Ống nhựa PVC, D (90-110) → Hồ ga; nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Ống nhựa PVC, D 90-110 → Bể tự hoại 3 ngăn → Hồ ga (cùng nước thải từ chậu rửa tay chân, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn nhà vệ sinh).

- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ nhà F (ký hiệu số 02): Nước thải từ chậu rửa chân tay, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn nhà vệ sinh từ các tầng,... → Ống nhựa PVC, D (90-110) → Hồ ga; nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu

tiện) → Ống nhựa PVC, D 90-110 → Bể tự hoại 3 ngăn → Hồ ga (cùng nước thải từ chậu rửa tay chân, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn nhà vệ sinh).

- Nguồn số 07: Nước thải phát sinh từ nhà G (ký hiệu số 15): Nước thải từ chậu rửa chân tay, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn nhà vệ sinh từ các tầng,... → Ống nhựa PVC, D (90-110) → Hồ ga; nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Ống nhựa PVC, D 90-110 → Bể tự hoại 3 ngăn → Hồ ga (cùng nước thải từ chậu rửa tay chân, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn nhà vệ sinh).

- Nguồn số 08: Nước thải phát sinh từ nhà H (ký hiệu số 06): Nước thải từ chậu rửa chân tay, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn nhà vệ sinh từ các tầng,... → Ống nhựa PVC, D(90-110) → Hồ ga; nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Ống nhựa PVC, D 90-110 → Bể tự hoại 3 ngăn → Hồ ga (cùng nước thải từ chậu rửa tay chân, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn nhà vệ sinh).

- Nguồn số 09: Nước thải phát sinh từ nhà I (ký hiệu số 09): Nước thải từ nấu ăn → bể tách dầu mỡ → Hồ ga; nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Ống nhựa PVC, D 90-110 → Bể tự hoại 3 ngăn → Hồ ga (cùng nước thải nấu ăn).

- Nguồn số 10: Nước thải từ vệ sinh thiết bị, lưu giữ chất thải → Hồ ga.

- Nguồn số 11: Nước thải từ hoạt động tiêu hủy chất thải sau giải phẫu → Bể yếm khí.

- Nguồn số 12: Nước thải phát sinh từ nhà khám, chữa bệnh trung tâm (gồm nước thải từ chậu rửa chân tay, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn nhà vệ sinh từ các tầng,... → Ống nhựa PVC, D (60-110) → Hồ ga; nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Ống nhựa PVC, D110 → Bể tự hoại 3 ngăn → Hồ ga (cùng nước thải rửa tay chân, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn nhà vệ sinh).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Bệnh viện có 02 dòng nước thải ra môi trường.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Kênh Chiêu Bạch (phía Tây Bệnh viện) đoạn chảy qua trước cổng Bệnh viện tại Tiểu khu 5, thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung (được đồng ý đầu nối xả thải vào công trình thủy lợi tại Công văn số 1453/BSM-KH&QLTT ngày 24/12/2024 của Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Bắc Sông Mã).

2.2. Vị trí xả nước thải:

Tọa độ vị trí xả nước thải ra Kênh Chiêu Bạch (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105, múi chiều 3⁰) như sau:

+ Nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải công suất 150m³/ng.đ xả theo cửa xả số 1: X = 2213107 (m); Y = 588699 (m).

+ Nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải công suất 100m³/ngày xả theo cửa xả số 2: X = 2212985 (m); Y = 588699 (m).

- Điểm xả nước thải có biển báo, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất đề nghị cấp phép: 215,5 m³/ngày.đêm, bao gồm:

+ Dòng thải số 1 (Từ trạm xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày.đêm) có lưu lượng nước thải phát sinh 133,5 m³/ngày.đêm (5,6 m³/giờ).

+ Dòng thải số 2 (Từ trạm xử lý nước thải tập trung công suất 100 m³/ngày.đêm) có lưu lượng nước thải phát sinh 78,0 m³/ngày.đêm (3,25 m³/giờ).

2.4. Phương thức xả nước thải:

- Dòng thải số 01: Nước thải sau xử lý → Đường ống D400 (dài khoảng 138m) → Kênh Chiếu Bạch. Phương thức xả thải: tự chảy, xả mặt.

- Dòng thải số 02: Nước sau xử lý → Đường ống D200 (dài khoảng 104m) → Kênh Chiếu Bạch. Phương thức xả thải: tự chảy, xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.6. Chất lượng nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận:

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo quy định sau:

- Kể từ ngày được cấp phép đến hết ngày 31/12/2031, chất lượng dòng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, hệ số K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động
1	pH	-	6,5 – 8,5	Không thuộc trường hợp phải quan trắc môi trường nước thải.	Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
	COD	mg/l	100		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0		

5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
6	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50		
7	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5000		
10	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
11	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc định kỳ nước thải đối với các chất ô nhiễm nêu tại bảng trên để theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải.

- Kể từ ngày 01/01/2032, chất lượng dòng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, áp dụng đối với lưu lượng xả thải $F \leq 2000\text{m}^3/\text{ngày}$), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động
1	pH	-	6-9	Không thuộc trường hợp phải quan trắc môi trường nước thải.	Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	≤60		
3	COD	mg/l	≤90		
4	Clo dư	mg/l	≤2,0		
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤80		
6	Tổng Nitơ	mg/l	≤40		
7	Tổng Phốt pho	mg/l	≤6		
8	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤10		
9	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤5		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤30		
11	Tổng Coliform	MPN/ 100 ml	≤5000		

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc định kỳ nước thải đối với các chất ô nhiễm nêu tại bảng trên để theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý:

- Đối với Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày.đêm, có 02 tuyến thu gom nước thải từ các nguồn về xử lý, cụ thể:

+ Tuyến số 1: Nước thải từ nguồn số 1 đến số 9 sau xử lý sơ bộ tại hố ga, bể tự hoại, bể tách dầu mỡ theo các đường ống nhánh (D160, D200), cùng nguồn số 10 → Tuyến thu gom chính (đường ống PVC D300) → Trạm xử lý nước thải tập trung.

+ Tuyến số 2: Nước thải từ nguồn số 11 sau xử lý sơ bộ tại bể yếm khí → Đường ống D 110 → Trạm xử lý nước thải tập trung 150m³/ngày đêm.

- Đối với Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 100 m³/ngày.đêm, có 01 tuyến thu gom nước thải từ các nguồn về xử lý, cụ thể: Nước thải từ nguồn số 12: được thu gom, xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại sau đó qua hố gas → Tuyến thu gom chính (đường ống PVC D200) → Trạm xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Bể tự hoại: 25 bể tự hoại tại các khu nhà có tổng thể tích 485m³.

- Bể tách dầu mỡ: 01 bể có tổng thể tích 6,0m³.

- Bể Yếm khí xử lý chất thải giải phẫu: 01 bể có tổng thể tích 10m³.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung: 02 Trạm xử lý nước thải tập trung gồm:

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung theo công nghệ xử lý AAO kết hợp giá thể sinh học (MBBR) có công suất 150 m³/ngày.đêm: Bể tách rác → Bể điều hòa – ky khí → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể bùn hoạt tính → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể chứa nước thải sau xử lý.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung theo công nghệ xử lý AO kết hợp với giá thể sinh học MBBR có công suất 100 m³/ngày.đêm sơ đồ xử lý như sau: Bể lắng cát → Bể Gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hoà → Bể Anoxic → Bể Aeroten → Bể lắng vi sinh → Bể khử trùng.

+ Hóa chất sử dụng: Clorine (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.6 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương rãnh thu gom nước thải; hồ ga; bể tự hoại; của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tần suất nạo vét:

+ Mương rãnh, hồ ga: 03 tháng/lần.

+ Hút bùn cặn trong các bể xử lý: Bể tự hoại, bể thu gom; bể chứa bùn (1 lần/năm).

- Thường xuyên kiểm tra các đường ống thu gom nước thải để phát hiện tình trạng hư hỏng, rò rỉ hoặc tắc nghẽn và kịp thời sửa chữa, thay thế.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện, Cụ thể:

+ Tại hồ ga: Hàng ngày kiểm tra các song chắn rác để tránh tình trạng rác bám vào song chắn rác quá nhiều gây tắc nghẽn dòng chảy vào hệ thống.

+ Bể khử trùng: Thường xuyên kiểm tra các thiết bị pha chế hóa chất, máy khuấy, hóa chất để đảm bảo các thiết bị khử trùng vẫn hoạt động tốt.

+ Định kỳ kiểm tra đường ống, van khóa như: độ kín, hở của van khóa, khả năng đóng mở của van khóa; hiện tượng rò rỉ đường ống,...

- Trong trường hợp một hệ thống hoặc cả hai hệ thống xử lý nước thải bị hư hỏng, gặp sự cố mà chưa thể kịp thời khắc phục, toàn bộ lượng nước thải được lưu giữ trong hệ thống, trong trường hợp hệ thống hết chỗ chứa, Bệnh viện hợp đồng đơn vị có chức năng mang đi xử lý, đồng thời nhanh chóng khắc phục hệ thống. Sau khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại, bơm quay vòng nước thải để xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế mới thải ra môi trường tiếp nhận.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải trạm 100 m³/ngày.đêm và 150 m³/ngày.đêm.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 100m³/ngày.đêm và 150 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 (một) mẫu nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150m³/ngày.đêm (Tại bể gom nước thải).

- 01 (một) mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150m³/ngày.đêm.

- 01 (một) mẫu nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100m³/ngày.đêm (Tại bể gom nước thải).

- 01 (một) mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100m³/ngày.đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại mục 2.6, Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Bệnh viện thuộc đối tượng quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Bệnh viện theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.6 Phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Duy trì biển báo, ký hiệu chỉ dẫn đối với điểm xả thải nước thải sau hệ thống xử lý ra môi trường; lắp đặt công tơ điện, đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ; lượng hóa chất sử dụng...). Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Bệnh viện chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

- Trường hợp gây sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình vận hành, Bệnh viện phải dừng ngay hoạt động xả thải và báo cáo kịp thời đến UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND huyện Hà Trung để được hướng dẫn, giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật./.

PHỤ LỤC 02
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2025
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Hoạt động của máy phát điện công suất 150KVA.
- Nguồn số 02: Hoạt động của máy phát điện công suất 15KVA.
- Nguồn số 03: Hoạt động của máy bơm, máy thổi khí tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 04: Hoạt động của máy bơm, máy thổi khí tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100m³/ngày.đêm.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Bệnh viện quy định giờ vào thăm bệnh nhân (cụ thể: Sáng từ 5h - 7h; trưa từ 11h30 - 13h00, chiều từ 17h đến 21h30).
- Quy định các phương tiện ra vào bệnh viện tắt máy khi vào cổng và cấm bóp còi trong khu vực bệnh viện.

- Có các bảng nội quy yêu cầu y bác sỹ, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và khách đến thăm đi nhẹ, nói khẽ.

- Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị để đảm bảo thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt, tránh gây tiếng ồn.

- Trong khuôn viên của bệnh viện được trồng cây xanh, bồn hoa, cây cảnh không những tăng tính thẩm mỹ cho khu vực bệnh viện, tạo cảm giác dịu êm mà còn có tác dụng rất lớn trong việc hút bụi, lọc không khí, giảm và ngăn chặn tiếng ồn, giảm bức xạ nhiệt.

- Đối với tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng:

+ Máy phát điện dự phòng được lắp đặt cách xa khu vực khám chữa bệnh của bệnh viện và được đặt trong phòng kín.

+ Để máy phát điện dự phòng được lắp đặt đệm lót bằng cao su để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

+ Định kỳ bảo dưỡng máy phát điện theo quy định.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 03
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2025
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
I	Chất thải y tế nguy hại			10.220
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	130101	Rắn	10.210
2	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	130103	Rắn	10
II	Chất thải nguy hại khác			20
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	160106	Rắn	5
2	Bao bì mềm, giẻ lau thải bị nhiễm thành phần nguy hại	180101	Rắn	10
3	Pin, ắc quy thải	160112	Rắn	5
Tổng cộng				10.240

1.2. Chất thải nguy hại phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	060502	Bùn	1.800

- Phương thức quản lý: Bệnh viện hợp đồng với đơn vị có chức năng phân tích hàm lượng chất thải nếu vượt quy chuẩn về CTNH, hợp đồng xử lý theo CTNH, nếu không vượt, xử lý như chất thải thông thường. Nếu không thực hiện phân tích thì xử lý như chất thải nguy hại.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải rắn không tái chế	127.750
2	Chất thải rắn tái chế	18.250
Tổng cộng		146.000

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy dung tích 120 lít; dán nhãn cảnh báo nguy hại; bao bì dán nhãn cảnh báo nguy hại, để tại khu lưu chứa.

2.1.2. Khu vực lưu chứa

- Xây dựng 02 khu lưu chứa chất thải có diện tích 62,15m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu lưu chứa chất thải nguy hại có mái tôn, tường tôn bao xung quanh, nền bê tông chống thấm, có rãnh và hố thu gom CTNH dạng lồng phòng cho sự cố khi thùng chứa, bao bì chứa bị rò rỉ, thùng vỡ; phía bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định; trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.

- Khu lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa có nắp đậy dung tích 120 lít và 240 lít.

- Xe đẩy rác 0,5 m³ đặt tại nhà lưu giữ chất thải.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Khu vực lưu giữ chất thải rắn không tái chế có diện tích 9,0m², lợp mái tôn, nền bê tông.

- Khu lưu chứa chất thải tái chế của bệnh viện: đặt trong khu vực diện tích khoảng 62,15 m² đổ nền bê tông chống thấm, tường xây gạch, lợp mái tôn, chia làm 2 khu vực: Khu vực chứa chai lọ thủy tinh, khu vực chứa chai nhựa, dây dẫn...

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

PHỤ LỤC 04**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Thực hiện quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, y tế thông thường và nguy hại đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm môi trường.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do bụi, khí thải, cụ thể như sau:

- Giảm thiểu ô nhiễm khí thải tại các khoa, phòng bệnh: Để giảm thiểu tác động do khí thải phát sinh tại các khoa, bệnh viện đã lắp đặt hệ thống các chụp hút, tủ hút, máy hút ẩm,... tại các khoa kết hợp với các biện pháp thông gió tự nhiên và thông gió cưỡng bức (như: phòng ốc được bố trí máy điều hòa, quạt gió làm mát).

- Tại các khu nhà vệ sinh: đảm bảo hoạt động tốt các quạt hút đã lắp đặt để hút mùi nhà vệ sinh.

- Giảm thiểu bụi, khí thải cho toàn bệnh viện: Đảm bảo tỷ lệ cây xanh để điều hòa vi khí hậu cho bệnh viện.

- Đối với máy phát điện dự phòng: Đảm bảo bố trí máy phát điện cách xa các tòa nhà khám chữa bệnh, sử dụng nhiên liệu sạch đạt tiêu chuẩn.

- Kiểm soát hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

4. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Thực hiện quản lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

9. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của bệnh viện. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này./.